QUAN HỆ NGA - CUBA GIAI ĐOẠN 2022-2026: TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC KINH TẾ, NĂNG LƯỢNG VÀ NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU TRƯỚC CÁC LỆNH TRỪNG PHẠT CỦA PHƯƠNG TÂY

Thái Thị Mỹ Dung*, Phạm Thị Nghĩa**

Ngày nhận bài: 01/8/2026 | Ngày gửi phản biện: 10/8/2026 | Ngày duyệt đăng: 23/8/2026

Tóm tắt: *Từ năm 2022, việc phương Tây mở rộng các biện pháp trừng phạt đối với Liên bang Nga, trong khi Cuba tiếp tục chịu tác động của hệ thống cấm vận đã tạo ra một bối cảnh mới cho quan hệ giữa Nga và Cuba. Trước sức ép về tài chính, thương mại và năng lượng, hai nước tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng, đầu tư, vận tải, du lịch, thanh toán và phối hợp ngoại giao. Bài viết phân tích quan hệ Nga - Cuba giai đoạn 2022-2026 từ góc độ quan hệ quốc tế và kinh tế chính trị quốc tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy quan hệ Nga - Cuba không chỉ tiếp nối nền tảng hữu nghị truyền thống, mà còn phản ánh sự điều chỉnh chiến lược của hai nước trước sức ép bên ngoài. Ngoại giao kinh tế, hợp tác năng lượng và các cơ chế thanh toán thay thế đã góp phần duy trì trao đổi song phương và nâng cao khả năng chống chịu của Cuba. Tuy nhiên, hiệu quả hợp tác vẫn bị giới hạn bởi năng lực thanh toán, quy mô đầu tư, tình trạng xuống cấp của cơ sở hạ tầng và nguy cơ trừng phạt thứ cấp.*

Từ khóa: Trừng phạt kinh tế, ngoại giao kinh tế, an ninh năng lượng, đối tác chiến lược, khả năng chống chịu chiến lược, Nga, Cuba.

Abstract: *Since 2022, the expansion of Western sanctions against the Russian Federation, while Cuba has continued to face a decades-long embargo, has created a new context for Russia - Cuba relations. Under financial, trade, and energy*

*ThS., *Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh*; Email: *thaimydungcdsp@gmail.com.*
**ThS., *Trung tâm Giáo dục thường xuyên Đà Nẵng*; Email: *phamnghiast@gmail.com.*

pressures, the two countries have strengthened cooperation in energy, investment, transport, tourism, payment mechanisms, and diplomatic coordination in multilateral forums. This article examines Russia-Cuba relations during the 2022-2026 period from the perspectives of international relations and international political economy. The findings show that Russia-Cuba relations not only build on their traditional foundation of friendship but also reflect the strategic adjustments made by both countries in response to external pressures. Economic diplomacy, energy cooperation, and alternative payment mechanisms have helped maintain bilateral exchanges and strengthen Cuba's resilience. However, the effectiveness of this cooperation remains limited by payment capacity, the scale of investment, deteriorating infrastructure, and the risk of secondary sanctions.

Keywords: Economic sanctions, economic diplomacy, energy security, strategic partnership, strategic resilience, Russia, Cuba.

1. Đặt vấn đề

Từ sau năm 2022, môi trường địa chính trị quốc tế chứng kiến những thay đổi sâu sắc do xung đột Nga - Ukraine, sự gia tăng cạnh tranh giữa các cường quốc và việc mở rộng sử dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế. Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Nhóm G7 và các nước đồng minh đã áp đặt nhiều vòng trừng phạt đối với Liên bang Nga. Trong khi đó, Cuba vẫn tiếp tục chịu tác động của hệ thống cấm vận kinh tế do Hoa Kỳ duy trì.

Trong bối cảnh đó, quan hệ Nga - Cuba bước sang một giai đoạn phát triển mới. Nếu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, quan hệ song phương chủ yếu dựa trên liên minh chiến lược và tương đồng về ý thức hệ, thì từ sau năm 2022, hợp tác ngày càng tập trung vào các lĩnh vực kinh tế, năng lượng, đầu tư, tài chính, du lịch và phối hợp tại các diễn đàn quốc tế. Việc hai nước tăng cường tiếp xúc cấp cao và mở rộng hợp tác kinh tế phản ánh nỗ lực của Nga trong việc đa dạng hóa quan hệ đối ngoại trước các biện pháp trừng phạt, đồng thời cho thấy Cuba tiếp tục tìm kiếm các đối tác nhằm giảm thiểu những khó khăn về năng lượng và phát triển kinh tế.

Bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu: (1) Những nhân tố nào thúc đẩy sự phát triển của quan hệ Nga - Cuba trong bối cảnh các lệnh trừng phạt phương Tây giai đoạn 2022-2026? (2) Ngoại giao kinh tế và hợp tác năng lượng được triển khai thông qua những cơ chế nào? (3) Quan hệ song phương phản ánh như thế nào xu hướng tái cấu trúc mạng lưới hợp tác giữa các quốc gia chịu tác động của các biện pháp trừng phạt?

2. Cơ sở lý thuyết

Chủ nghĩa hiện thực mới và sự điều chỉnh chiến lược của các quốc gia

Theo chủ nghĩa hiện thực mới, cấu trúc vô chính phủ của hệ thống quốc tế buộc các quốc gia phải ưu tiên bảo đảm an ninh và duy trì vị thế trong cán cân quyền lực. Trong bối cảnh sau năm 2022, việc Nga mở rộng hợp tác với Cuba có thể được xem là một biểu hiện của quá trình điều chỉnh chiến lược nhằm đa dạng hóa quan hệ đối ngoại và giảm thiểu tác động từ các biện pháp trừng phạt. Ở chiều ngược lại, Cuba cũng tìm kiếm thêm các đối tác kinh tế và năng lượng nhằm tăng cường khả năng chống chịu trước các hạn chế kéo dài của cấm vận.

Lý thuyết về đối tác chiến lược

Khái niệm đối tác chiến lược được sử dụng ngày càng phổ biến để mô tả các mối quan hệ hợp tác dài hạn giữa các quốc gia có lợi ích chiến lược tương đồng nhưng không nhất thiết hình thành liên minh quân sự. Theo Wilkins (2008), đối tác chiến lược thường được đặc trưng bởi ba yếu tố: sự hội tụ về lợi ích, tính ổn định của cơ chế hợp tác và cam kết mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Áp dụng vào trường hợp Nga - Cuba, bài viết không mặc nhiên xem quan hệ song phương là một liên minh theo nghĩa truyền thống mà phân tích mức độ phát triển của quan hệ đối tác chiến lược thông qua các lĩnh vực như năng lượng, đầu tư, tài chính, thương mại và phối hợp tại các tổ chức quốc tế.

Ngoại giao kinh tế và an ninh năng lượng

Ngoại giao kinh tế được hiểu là việc sử dụng các công cụ kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu đối ngoại hoặc ngược lại sử dụng chính sách đối ngoại để thúc đẩy lợi ích kinh tế quốc gia (Bayne & Woolcock, 2017). Trong điều kiện các biện pháp trừng phạt làm thu hẹp khả năng tiếp cận thị trường và nguồn vốn quốc tế, ngoại giao kinh tế trở thành một trong những công cụ quan trọng giúp các quốc gia mở rộng hợp tác với các đối tác mới. Trong nghiên cứu này, hợp tác năng lượng được xem là một thành tố trọng tâm của ngoại giao kinh tế. Đối với Cuba, nguồn cung nhiên liệu có ý nghĩa trực tiếp đối với hoạt động sản xuất và ổn định xã hội. Đối với Nga, hợp tác năng lượng không chỉ mang giá trị kinh tế, mà còn góp phần duy trì ảnh hưởng tại khu vực Caribbean và Mỹ Latinh.

Nghiên cứu về các biện pháp trừng phạt quốc tế

Các nghiên cứu về trừng phạt quốc tế cho rằng, hiệu quả của các biện pháp này phụ thuộc không chỉ vào quy mô sức ép, mà còn vào khả năng thích ứng của quốc gia mục

tiêu. Khi khả năng tiếp cận thị trường truyền thống bị thu hẹp, các quốc gia thường tìm cách đa dạng hóa đối tác, điều chỉnh chuỗi cung ứng, mở rộng hợp tác tài chính hoặc tăng cường quan hệ với các nước không tham gia cơ chế trừng phạt (Hufbauer et al., 2009). Trường hợp Nga và Cuba là một ví dụ phù hợp để phân tích quá trình thích ứng đó. Thay vì chỉ xem các biện pháp trừng phạt như một yếu tố gây tổn thất kinh tế, nghiên cứu tiếp cận chúng như một biến số thúc đẩy sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại, cơ cấu hợp tác kinh tế và chiến lược phát triển quan hệ song phương.

Từ những hướng tiếp cận trên, bài viết xây dựng khung phân tích gồm ba cấp độ liên kết. Ở cấp độ thứ nhất, các biện pháp trừng phạt tạo ra sức ép từ môi trường quốc tế. Ở cấp độ thứ hai, Nga và Cuba điều chỉnh chính sách đối ngoại thông qua mở rộng ngoại giao kinh tế, tăng cường hợp tác năng lượng và phát triển các cơ chế đối tác chiến lược. Ở cấp độ thứ ba, các hoạt động hợp tác này tác động đến khả năng chống chịu kinh tế, vị thế đối ngoại và sự phát triển của quan hệ song phương trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển dịch theo hướng đa cực.

3. Quan hệ Nga - Cuba dưới các lệnh trừng phạt của phương Tây (2022-2026)

3.1. Bối cảnh địa chính trị và động lực điều chỉnh quan hệ song phương

Sự gia tăng hợp tác Nga - Cuba từ năm 2022 diễn ra trong một môi trường quốc tế khác căn bản so với giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh. Xung đột Nga - Ukraine và các vòng trừng phạt sâu rộng của Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu cùng các đồng minh đã làm thu hẹp khả năng tiếp cận thị trường, công nghệ và tài chính phương Tây của Nga. Trong khi đó, nền kinh tế Cuba tiếp tục chịu tác động từ các biện pháp trừng phạt kinh tế mà Hoa Kỳ duy trì từ đầu thập niên 1960. Chính phủ Hoa Kỳ đã xác định các biện pháp trừng phạt kinh tế và mục tiêu cô lập Cuba là một bộ phận trung tâm của chính sách Hoa Kỳ đối với đảo quốc này trong hơn sáu thập niên, dù mức độ hạn chế, hoặc tiếp xúc đã thay đổi qua từng chính quyền (Klein, 2025).

Chính việc cả Nga và Cuba cùng chịu sức ép trừng phạt đã tạo ra điểm gặp mới giữa hai nước. Cuba là nước có lợi thế đặc biệt trong quá trình này vì có quan hệ lịch sử lâu dài với Liên Xô, Nga và có vị trí địa lý quan trọng tại Tây bán cầu. Tuy nhiên, sự xích lại gần nhau hiện nay không dựa trên sự đồng nhất về mô hình kinh tế - xã hội như trong Chiến tranh Lạnh. Động lực chủ đạo đã chuyển sang địa chính trị, lợi ích kinh tế và khả năng ứng phó với sức ép bên ngoài (Arabadzhyan, 2025, p. 27-29).

Các hoạt động ngoại giao cấp cao từ cuối năm 2022 cho thấy, hai nước chủ động thể chế hóa sự điều chỉnh này. Chuyến thăm Moskva của Chủ tịch Cuba Miguel Díaz-Canel

tháng 11/2022 đưa vấn đề trừng phạt, chủ quyền và hợp tác thực chất trở thành nội dung trung tâm của đối thoại song phương. Tiếp đó là chuyến thăm Cuba của Ngoại trưởng Sergei Lavrov, các cuộc tiếp xúc giữa cơ quan lập pháp, chính phủ và giới doanh nghiệp, cùng việc tái kích hoạt Ủy ban liên chính phủ Nga - Cuba. Quan hệ hai nước được duy trì ở nhiều cấp, từ cấp nguyên thủ xuống các bộ, doanh nghiệp và tổ chức tài chính (Arabadzhyan, 2025, p. 32).

Chính phủ Nga từng bước chuyển các tuyên bố chính trị thành chương trình hợp tác dài hạn. Tháng 11/2023, hai bên ký chương trình hợp tác thương mại - kinh tế đến năm 2030, tập trung vào thương mại, khoa học - công nghệ, đầu tư và kết nối giữa cộng đồng doanh nghiệp.

Nhìn tổng thể, quá trình điều chỉnh quan hệ Nga - Cuba trong giai đoạn 2022-2026 bắt nguồn từ ba nhóm động lực. *Thứ nhất*, trừng phạt và phân cực quốc tế khiến Nga cần đa dạng hóa đối tác, duy trì sự ủng hộ ngoại giao và mở rộng các mạng lưới ngoài phương Tây. *Thứ hai*, khủng hoảng kinh tế - năng lượng buộc Cuba tìm kiếm nhiên liệu, vốn, công nghệ và thị trường từ các đối tác ít chịu ảnh hưởng của chính sách Hoa Kỳ. *Thứ ba*, di sản quan hệ Liên Xô - Cuba tạo ra mức độ tin cậy chính trị đủ lớn để hai bên nhanh chóng khôi phục các cơ chế hợp tác. Tuy nhiên, quan hệ này vẫn bất cân xứng và bị giới hạn bởi năng lực thanh toán của Cuba, nguồn lực hữu hạn của Nga, cũng như rủi ro trừng phạt thứ cấp. Chính vì vậy, sự xích lại gần nhau là có thật, nhưng kết quả lâu dài phụ thuộc vào khả năng biến đoàn kết chính trị thành các dự án kinh tế có vốn, cơ chế thanh toán và năng lực thực thi ổn định. Arabadzhyan cũng lưu ý rằng, khác với thời Liên Xô, hợp tác hiện nay có xu hướng thị trường rõ hơn và đòi hỏi lợi ích có thể đo lường được từ cả hai phía (Arabadzhyan, 2025, p. 35-36).

3.2. Ngoại giao kinh tế và mở rộng hợp tác thương mại, đầu tư

Sau năm 2022, ngoại giao kinh tế trở thành một trong những công cụ chủ yếu để Nga và Cuba chuyển sự gần gũi về chính trị thành hợp tác kinh tế cụ thể. Quá trình này không đơn thuần là sự khôi phục cơ chế trao đổi thời Liên Xô. Hai bên đang tìm kiếm một mô hình mới, trong đó chính phủ giữ vai trò định hướng và bảo đảm chính trị, còn doanh nghiệp, ngân hàng, cơ chế đầu tư và các dự án cụ thể giữ vai trò triển khai. Do đó, hợp tác Nga - Cuba hiện nay mang tính nhà nước dẫn dắt, nhưng đồng thời được yêu cầu vận hành theo nguyên tắc hoàn vốn, hiệu quả và lợi ích song phương rõ ràng hơn.

Tháng 11/2023, Chính phủ Nga và Cuba ký Chương trình hợp tác thương mại - kinh tế đến năm 2030. Văn kiện đặt mục tiêu mở rộng hợp tác thương mại, kinh tế, khoa học

và công nghệ; thúc đẩy đầu tư; đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp hai nước tiếp cận nhau hiệu quả hơn.

Đối với Cuba, thu hút vốn Nga được đặt trong chiến lược lớn hơn nhằm tăng vai trò của đầu tư nước ngoài đối với phát triển kinh tế. Tháng 5 năm 2023, đại diện hai chính phủ ký bản ghi nhớ về sáng kiến đầu tư Nga - Cuba. Các lĩnh vực được xác định gồm năng lượng, du lịch, sản xuất thực phẩm, hạ tầng hàng không dân dụng, công nghiệp mía đường và khai khoáng.

Ngoại giao kinh tế đồng thời mở rộng từ quan hệ giữa các chính phủ sang kết nối trực tiếp giữa doanh nghiệp. Diễn đàn và Hội đồng doanh nghiệp Nga - Cuba tại La Habana tháng 5/2023 có sự tham gia của 52 công ty Nga và 106 doanh nghiệp Cuba. Các sáng kiến được thảo luận khá đa dạng: thành lập doanh nghiệp liên doanh sản xuất rượu rum, mở nhà thương mại Nga tại Cuba; hợp tác xây dựng, vận tải và logistics, hiện đại hóa ngành đường, sản xuất thép, du lịch và nông nghiệp (Arabadzhyan, 2025, p. 33-34).

Các hoạt động năm 2024-2025 cho thấy, danh mục hợp tác đã mở rộng, nhưng kết quả giữa các lĩnh vực không đồng đều. Tại cuộc họp tháng 11/2024, hai bên bổ sung kế hoạch phát triển hợp tác đến năm 2030; thảo luận dự án taxi sử dụng xe Moskvich, phát triển cụm du lịch quanh năm và tiếp tục đầu tư theo lộ trình song phương. Chính phủ Nga cũng cam kết hỗ trợ Cuba khắc phục hậu quả thiên tai và khủng hoảng điện, trong đó có khoản cung cấp khoảng 80.000 tấn dầu diesel trị giá 60 triệu USD.

Đến phiên họp lần thứ 22 của Ủy ban liên chính phủ vào tháng 4/2025, danh mục sáng kiến đầu tư song phương đã vượt quá 100 dự án. Phía Nga cho biết hơn 180 đơn vị sản phẩm cơ khí đã được xuất khẩu sang Cuba trong năm 2024; dự án xay xát lúa mì Nga tại một nhà máy Cuba bước sang năm thứ hai; đồng thời hai bên xem xét khả năng doanh nghiệp Nga tham gia hiện đại hóa ngành đường. Du lịch tiếp tục tạo nguồn thu và duy trì kết nối xã hội, với khoảng 160.000 lượt khách Nga đến Cuba trong năm 2024.

Ngoại giao kinh tế Nga - Cuba vì thế tạo ra các kết quả bước đầu. Trước hết, hai nước đã xây dựng một khung hợp tác tương đối liên tục, gồm chương trình đến năm 2030, ủy ban liên chính phủ, hội đồng doanh nghiệp và các diễn đàn đầu tư. Thứ hai, danh mục hợp tác đã chuyển từ thương mại hàng hóa đơn giản sang sản xuất, chế biến, vận tải, tài chính, kỹ thuật số và chuyển giao công nghệ.

3.3. Hợp tác năng lượng Nga - Cuba sau năm 2022

Trong cấu trúc quan hệ Nga - Cuba sau năm 2022, năng lượng là lĩnh vực thể hiện rõ nhất sự kết hợp giữa nhu cầu kinh tế trước mắt và tính toán chiến lược dài hạn. Cuba bước vào giai đoạn này với mức độ phụ thuộc cao vào nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu, công suất phát điện thiếu ổn định và cơ sở hạ tầng đã xuống cấp. Theo số liệu do phía Cuba công bố, khoảng 95% điện năng của nước này năm 2024 vẫn được sản xuất từ nhiên liệu hóa thạch; sản lượng trong nước chỉ đáp ứng gần 40% nhu cầu nhiên liệu, còn phần lớn dầu thô và sản phẩm lọc hóa dầu phải nhập khẩu. Riêng phát điện tiêu thụ phần lớn tổng lượng nhiên liệu quốc gia. Cấu trúc đó khiến mọi gián đoạn trong nhập khẩu dầu hoặc thanh toán quốc tế nhanh chóng chuyển thành thiếu nhiên liệu, giảm công suất phát điện và mất điện kéo dài (Tamayo León, 2024).

Những khó khăn này không chỉ bắt nguồn từ cấm vận. Hệ thống nhiệt điện Cuba phụ thuộc vào thiết bị cũ, thiếu phụ tùng và bảo dưỡng chậm; nguồn ngoại tệ hạn chế làm suy giảm khả năng nhập dầu, diesel và công nghệ; trong khi thiên tai thường xuyên gây thiệt hại cho mạng lưới truyền tải. Bối cảnh đó lý giải tại sao năng lượng trở thành một trong những trụ cột của hợp tác với Nga. Nga tìm thấy ở Cuba một thị trường mới cho một phần sản lượng năng lượng phải tái định hướng sau khi thị trường châu Âu thu hẹp; Cuba có thêm nguồn cung trong điều kiện các đối tác truyền thống, đặc biệt là Venezuela, không còn duy trì ổn định khối lượng giao hàng như trước (Arabadzhyan, 2025, p. 30, 34).

Hợp tác năng lượng là lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong quan hệ Nga - Cuba sau năm 2022. Các hoạt động hỗ trợ nhiên liệu, đầu tư hạ tầng và hiện đại hóa hệ thống điện phản ánh vai trò ngày càng nổi bật của ngoại giao năng lượng.

Về cung cấp dầu và nhiên liệu, trong năm 2022, Nga khôi phục việc bán dầu cho Cuba, sau một thời gian gián đoạn. Từ tháng 01 đến tháng 9/2022, Cuba mua khoảng 500.000 tấn dầu của Nga. Đây là quan hệ có lợi cho cả hai phía: Cuba nhận được nhiên liệu thiết yếu, còn Nga có thể chuyển hướng một phần dầu Urals khỏi các thị trường bị thu hẹp do trừng phạt phương Tây (Arabadzhyan, 2025, p. 34).

Đến tháng 4/2024, một tàu chở hơn 90.000 tấn dầu thô Urals cập cảng Matanzas. Phía Cuba xác nhận lượng dầu này được đưa vào lọc hóa để hỗ trợ phát điện và các hoạt động kinh tế, nhưng không giải quyết được cuộc khủng hoảng năng lượng (de Jesús, 2024). Khủng hoảng trở nên nghiêm trọng hơn vào cuối năm 2024, khi các sự cố của hệ

thống điện kết hợp với thiệt hại do bão. Tháng 11/2024, Chính phủ Nga thông báo phân bổ khoảng 80.000 tấn diesel trị giá 60 triệu USD nhằm duy trì cấp điện cho Cuba trong ít nhất hai tháng. Đoàn chuyên gia của Bộ Năng lượng Nga, Rosseti và cơ quan tình trạng khẩn cấp được cử sang để đánh giá hư hại và xác định danh mục thiết bị cần thiết cho việc khôi phục lưới điện. Nga cũng công bố kế hoạch hỗ trợ hiện đại hóa một nhà máy lọc dầu và tiếp tục hợp tác về điện mặt trời. Năm 2026, Nga tiếp tục cung cấp dầu trong lúc Cuba đối mặt với tình trạng thiếu nhiên liệu đặc biệt nghiêm trọng.

Về đầu tư khai thác và lọc hóa dầu, Tập đoàn Zarubezhneft của Nga tiếp tục tham gia khai thác tại mỏ Boca de Jaruco. Dự án này được đưa vào chương trình làm việc của Ủy ban liên chính phủ Nga - Cuba và được xác định là một hướng hợp tác lâu dài. Năm 2024, Chủ tịch Miguel Díaz-Canel tiếp Tổng giám đốc Zarubezhneft Sergey Kudryashov và đánh giá cao hoạt động của công ty tại Cuba, phản ánh mong muốn duy trì sự tham gia của Nga trong khai thác dầu nội địa (Perera Robbio, 2024). Bên cạnh khai thác, hai bên còn thảo luận hiện đại hóa nhà máy lọc dầu của Cuba.

Hợp tác về nâng cấp hệ thống phát điện và hạ tầng lưới điện, một hướng hợp tác khác giữa Nga và Cuba là xây dựng và nâng cấp các tổ máy nhiệt điện. Thỏa thuận liên chính phủ ký từ năm 2015 dự kiến sử dụng tín dụng Nga để xây dựng các tổ máy tại Nhà máy nhiệt điện Máximo Gómez và Đông La Habana. Dự án vẫn được hai bên thảo luận trong giai đoạn 2022-2023, nhưng tiến độ thực hiện chậm hơn kế hoạch ban đầu (Arabadzhyan, 2025, p. 34). Sau các vụ sụp đổ lưới điện năm 2024, hợp tác chuyển mạnh hơn sang xử lý khẩn cấp. Nga đồng thời hỗ trợ thành lập trung tâm đào tạo chuyên gia năng lượng và điện tử tại các trường đại học Cuba (Government of the Russian Federation, 2025).

Có thể thấy, hợp tác năng lượng giữa Nga và Cuba được thể hiện trên các khía cạnh sau: *Thứ nhất,* Nga là nguồn cung dầu và sản phẩm dầu mỏ quan trọng trong những giai đoạn thiếu hụt cấp tính. *Thứ hai,* doanh nghiệp Nga tham gia khai thác dầu và thảo luận nâng cấp năng lực lọc hóa. *Thứ ba,* Nga hỗ trợ khôi phục lưới điện, cung cấp thiết bị và đào tạo nhân lực. Tuy nhiên, những hợp tác này chưa tạo ra độc lập năng lượng cho Cuba. Xét từ góc độ ngoại giao kinh tế, hợp tác năng lượng không đơn thuần là viện trợ. Một phần dầu được bán hoặc gắn với các cơ chế tín dụng; các doanh nghiệp Nga tìm kiếm lợi ích từ khai thác, lọc dầu, thiết bị và xây dựng hạ tầng. Quan hệ hiện nay vì vậy khác với cơ chế trợ cấp quy mô lớn thời Liên Xô. Nó pha trộn giữa hỗ trợ chính trị, cứu trợ khẩn cấp và các dự án thương mại.

3.4. Hợp tác tài chính và khả năng thích ứng với các lệnh trừng phạt

Bên cạnh thương mại, đầu tư và năng lượng, hợp tác tài chính và thu hút nguồn vốn đã trở thành một trụ cột quan trọng trong quá trình Nga và Cuba thích ứng với môi trường trừng phạt sau năm 2022. Mục tiêu chung của hai nước không phải là thay thế hoàn toàn hệ thống tài chính quốc tế hiện hành, mà là giảm mức độ phụ thuộc vào các kênh thanh toán chịu ảnh hưởng trực tiếp của các biện pháp trừng phạt phương Tây, đồng thời duy trì dòng chảy thương mại, đầu tư và du lịch.

Một bước tiến đáng chú ý là việc mở rộng các cơ chế thanh toán song phương. Theo Arabadzhyan (2025), Cuba đã chấp nhận hệ thống thẻ thanh toán Mir của Nga tại nhiều cơ sở du lịch và dịch vụ, đồng thời hai bên thúc đẩy thiết lập quan hệ đại lý giữa các ngân hàng để tạo thuận lợi cho thanh toán thương mại và đầu tư. Những biện pháp này không hình thành một hệ thống tài chính thay thế hoàn chỉnh, nhưng góp phần giảm chi phí giao dịch và hạn chế tác động của việc nhiều ngân hàng Nga bị loại khỏi hệ thống tài chính phương Tây (Arabadzhyan, 2025, pp. 32-34). Tuy nhiên, hiệu quả của các cơ chế thích ứng vẫn chịu nhiều giới hạn. Khả năng thanh toán bằng ngoại tệ của Cuba còn thấp, hạ tầng tài chính chưa đồng bộ và nguy cơ trừng phạt thứ cấp vẫn khiến nhiều doanh nghiệp quốc tế thận trọng khi tham gia các dự án liên quan đến Nga và Cuba. Nhìn chung, hợp tác tài chính và thu hút đầu tư đã trở thành một cấu phần quan trọng trong chiến lược thích ứng của Nga và Cuba trước các lệnh trừng phạt. Tuy chưa tạo ra một cơ chế tài chính độc lập với hệ thống phương Tây, các sáng kiến về thanh toán, đầu tư và kết nối doanh nghiệp đã góp phần duy trì hoạt động kinh tế song phương và nâng cao khả năng chống chịu của hai nền kinh tế trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị ngày càng gia tăng. Các cơ chế này góp phần duy trì dòng chảy thương mại và đầu tư song phương, song hiệu quả thực tế vẫn phụ thuộc vào khả năng thanh toán, nguồn vốn và môi trường trừng phạt quốc tế.

4. Thảo luận: Khả năng chống chịu lệnh trừng phạt và giới hạn của quan hệ Nga - Cuba

Các bằng chứng giai đoạn 2022-2026 cho thấy, quan hệ Nga - Cuba không đơn thuần là sự phục hồi của liên minh thời Chiến tranh Lạnh. Đây là quá trình điều chỉnh mang tính thực dụng trước sức ép trừng phạt, trong đó hai bên kết hợp đoàn kết chính trị với hợp tác thương mại, năng lượng, tài chính và đầu tư. Từ góc độ chủ nghĩa hiện thực mới, việc Nga củng cố quan hệ với Cuba phản ánh nỗ lực mở rộng không gian chiến lược tại Mỹ Latinh trong điều kiện cạnh tranh với Hoa Kỳ và phương Tây.

Đối với Cuba, hợp tác với Nga tạo ra một dạng khả năng chống chịu chiến lược. Các chuyến hàng nhiên liệu, dự án khai thác dầu, thiết bị công nghiệp, hệ thống thanh toán Mir và quan hệ đại lý ngân hàng giúp La Habana duy trì một số hoạt động thiết yếu trong điều kiện hạn chế tài chính. Tại phiên họp lần thứ 23 của Ủy ban liên chính phủ tháng 4 năm 2026, phía Nga thông báo thẻ Mir đã được chấp nhận tại Cuba, quan hệ ngân hàng đại lý đã được mở và nhiều dự án đầu tư, thực phẩm, công nghiệp và vận tải tiếp tục được triển khai. Chính phủ Nga cũng ghi nhận nhập khẩu từ Cuba tăng 20% trong năm 2025 và hơn 230 phương tiện, thiết bị cơ khí Nga đã được chuyển tới đảo quốc trong hai năm trước đó (Government of the Russian Federation, 2025). Dù vậy, khả năng chống chịu không đồng nghĩa với việc loại bỏ tác động của trừng phạt. Hỗ trợ từ Nga chủ yếu giúp Cuba giảm bớt thiếu hụt trong ngắn hạn, trong khi những vấn đề căn bản - thiếu ngoại tệ, năng suất thấp, cơ sở hạ tầng điện xuống cấp và khả năng thanh toán hạn chế - vẫn tồn tại. Các dự án Nga cũng phụ thuộc vào tín dụng, điều kiện đầu tư và khả năng thu hồi vốn.

Từ góc độ nghiên cứu trừng phạt, trường hợp Nga - Cuba cho thấy sức ép kinh tế có thể tạo ra một hệ quả ngoài dự kiến: thúc đẩy các quốc gia mục tiêu thiết lập những kênh thanh toán, thương mại và đầu tư thay thế. Tuy nhiên, các kênh đó mới chỉ bổ sung chứ chưa thể thay thế hoàn toàn hệ thống tài chính quốc tế. Việc mở rộng trừng phạt đối với ngân hàng, công ty năng lượng và các chủ thể tại nước thứ ba tiếp tục làm tăng rủi ro cho những giao dịch có liên quan đến Nga (teleSUR, 2026).

Nhìn chung, hợp tác Nga - Cuba đã góp phần đa dạng hóa đối tác, duy trì nguồn cung thiết yếu và mở rộng không gian ngoại giao cho cả hai nước. Tuy nhiên, đây chưa phải một cơ chế đủ sức vô hiệu hóa các lệnh trừng phạt. Hiệu quả lâu dài sẽ phụ thuộc vào khả năng thực hiện các dự án đã ký, độ bền của các kênh thanh toán, năng lực cải cách kinh tế Cuba và mức độ Nga có thể tiếp tục cung cấp tín dụng, nhiên liệu và công nghệ trong điều kiện chính nền kinh tế Nga cũng chịu sức ép.

5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, quan hệ Nga - Cuba giai đoạn 2022-2026 phản ánh sự điều chỉnh chiến lược của hai quốc gia trong bối cảnh cùng chịu tác động của các biện pháp trừng phạt kinh tế từ phương Tây. Khác với mô hình hợp tác chủ yếu dựa trên ý thức hệ trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, quan hệ hiện nay được định hình nhiều hơn bởi các lợi ích thực tiễn về ngoại giao kinh tế, an ninh năng lượng, đầu tư và khả năng duy trì kết nối với hệ thống kinh tế quốc tế.

Các bằng chứng được phân tích cho thấy, hợp tác song phương đã được mở rộng thông qua nhiều cơ chế khác nhau, bao gồm Chương trình hợp tác thương mại-kinh tế đến năm 2030, hoạt động của Ủy ban liên Chính phủ Nga - Cuba, các dự án năng lượng, đầu tư công nghiệp, cơ chế thanh toán Mir và sự tham gia ngày càng tích cực của cộng đồng doanh nghiệp hai nước. Chính phủ Liên bang Nga cũng nhiều lần khẳng định mục tiêu tiếp tục phát triển hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, tài chính, giao thông, du lịch và công nghệ, đồng thời coi Cuba là một trong những đối tác ưu tiên của Nga tại khu vực Mỹ Latinh.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy, khả năng thích ứng của quan hệ Nga - Cuba vẫn tồn tại những giới hạn đáng kể. Quy mô thương mại song phương còn tương đối nhỏ; nền kinh tế Cuba tiếp tục đối mặt với thiếu hụt ngoại tệ, khủng hoảng năng lượng và hạn chế về cơ sở hạ tầng; trong khi các doanh nghiệp Nga vẫn phải cân nhắc rủi ro từ các biện pháp trừng phạt thứ cấp và những khó khăn trong thanh toán quốc tế. Điều đó cho thấy hợp tác song phương đã góp phần nâng cao khả năng chống chịu, nhưng chưa tạo ra một cơ chế đủ sức thay thế các kênh tài chính và thương mại truyền thống.

Kết quả nghiên cứu cũng gợi mở rằng các biện pháp trừng phạt không chỉ tạo ra sức ép kinh tế, mà còn thúc đẩy quá trình tái cấu trúc các mạng lưới hợp tác ngoài không gian phương Tây. Trường hợp Nga - Cuba cho thấy, ngoại giao kinh tế, hợp tác năng lượng và các cơ chế thanh toán thay thế có thể trở thành những công cụ quan trọng giúp các quốc gia duy trì quan hệ đối ngoại và giảm thiểu tác động của các biện pháp cưỡng chế kinh tế, mặc dù hiệu quả của chúng vẫn phụ thuộc vào năng lực nội tại của mỗi nền kinh tế, cũng như sự biến động của môi trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. Arabadzhyan, A. Z. (2025). Political and economic aspects of Russian-Cuban relations in 2022-2023. Polycentric World, 2(1-2), 26-40. https://doi.org/10.20542/pwj-2025-2(1-2)-26-40
2. Bayne, N., & Woolcock, S. (Eds.). (2017). The new economic diplomacy: Decision-making and negotiation in international economic relations (4th ed.). Routledge. https://doi.org/10.4324/9781315623900
3. de Jesús, V. (2024). Continúa descarga de crudo ruso por puerto yumurino. Granma. https://www.granma.cu/cuba/2024-04-01/continua-descarga-de-crudo-ruso-por-puerto-yumurino-01-04-2024-22-04-31
4. Government of the Russian Federation. (2023). Россия и Куба подписали программу торгово-экономического сотрудничества до 2030 года [Russia and Cuba signed a trade and economic cooperation programme through 2030]. https://government.ru/news/49966/
5. Government of the Russian Federation. (2024). Dmitry Chernyshenko and Co-Chair of the Russian-Cuban Intergovernmental Commission discuss cooperation prospects. https://government.ru/en/news/53269/

6. Government of the Russian Federation. (2025). Dmitry Chernyshenko and Ricardo Cabrisas Ruiz, Vice President of the Council of Ministers and Minister of Economy and Planning of the Republic of Cuba, chaired the 22nd meeting of the Russia-Cuba Intergovernmental Commission. https://government.ru/en/news/54691/
7. Government of the Russian Federation. (2026). Дмитрий Чернышенко и вице-премьер Кубы Оскар Перес-Олива Фрага провели заседание Российско-Кубинской межправительственной комиссии [Dmitry Chernyshenko and Cuban Deputy Prime Minister Oscar Pérez-Oliva Fraga chaired a meeting of the Russian-Cuban Intergovernmental Commission]. https://government.ru/news/58305/
8. Hufbauer, G. C., Schott, J. J., Elliott, K. A., & Oegg, B. (2009). Economic sanctions reconsidered (3rd ed.). Peterson Institute for International Economics.
9. Klein, J. (2025). Cuba: U.S. policy overview (IF10045). Congressional Research Service. https://www.congress.gov/crs-product/IF10045
10. Maturell Senon, C. (2026). Derivados de petróleo obtenidos del donativo de crudo ruso ya se distribuyen por todo el país. Granma. https://www.granma.cu/cuba/2026-04-18/derivados-de-petroleo-obtenidos-del-donativo-de-crudo-ruso-ya-se-distribuyen-por-todo-el-pais-18-04-2026-12-04-57
11. Perera Robbio, A. (2024). Es un buen momento para avanzar más. Granma. https://www.granma.cu/mundo/2024-11-27/es-un-buen-momento-para-avanzar-mas-27-11-2024-00-11-59
12. Tamayo León, R. (2024). Empresas cubanas se transforman de consumidoras en generadoras autónomas de electricidad, a partir de fuentes renovables de energía. Granma. https://www.granma.cu/cuba/2024-02-03/de-empresas-cubanas-que-empiezan-a-asumir-protagonismo-en-la-transicion-energetica
13. TeleSUR English (2026). Cuba, Russia expand strategic ties at economic forum. https://www.telesurenglish.net/cuba-russia-strategic-ties-economicforum/
14. Waltz, K. N. (1979). Theory of international politics. Addison-Wesley.
15. Wilkins, T. S. (2008). Russo-Chinese strategic partnership: A new form of security cooperation? Contemporary Security Policy, 29(2), 358-383. https://doi.org/10.1080/13523260802240360